



fú yòng

服用

Verb · to take (medicine)

Example Sentences

qǐng àn shí fú yòng yào pǐn
请按时服用药品。

Please take the medicine on time

tā měi tiān fú yòng wéi shēng sù jiāo náng
他每天服用维生素胶囊。

He takes vitamin capsules every day.

qǐng àn zhào yī zhǔ fú yòng zhèng què jì liàng
请按照医嘱服用正确剂量。

Please take the correct dosage as prescribed by the doctor.

Trace each character, then write the word on your own.

服	服	服	服	服	服	服	服	服	服	服
用	用	用	用	用	用	用	用			